TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2018
"V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân:Ông Vũ Xuân Dự và ông Nguyễn Thái Bảo
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thành, thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1987; Cư trú tại: đội 8, thôn H, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Anh Ninh Thế Đ, sinh năm 1981; Đăng ký thường trú tại: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Đ (anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị H và anh Ninh Thế Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21-9-2011 tại UBND xã K nơi đăng ký thường trú của anh Đ; sau khi kết hôn vợ chồng sống tại T là quê của chị H.

Theo chị H thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng sau đó mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do tính tình không hợp mặt khác anh Đ thường xuyên rượu chè say xỉn sau đó xúc phạm chửi bới chị; mặc dù chị đã chịu đựng và động viên, khuyên giải anh Đ sửa đổi tính nết và gia đình cũng đã góp ý kiến nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2012; anh Đ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T ở, còn chị ở cùng bố

mẹ đẻ tại thành phố T. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm nên không còn tình cảm vì vậy chị yêu cầu Tòa án huyện K giải quyết được ly hôn với anh Ninh Thế Đ để ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Ninh Thế Đ xác nhận: vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên vợ chồng anh đã sống ly thân nhau nhiều năm nay; anh không còn tình cảm với chị H nữa, nay chị H yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Anh Đ và chị H đều xác nhận vợ chồng chỉ có có 01 con chung là Ninh Vĩnh P, sinh ngày 8-11-2011, hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn cả chị H và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên và không yêu cầu phía bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình.

Về tài sản: Cả anh Đ và chị H không có yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56 và các điều 56,58, 81,82, 83, 84 Luật HNGĐ; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Ninh Thế Đ; về con chung giao chị H trực tiếp nuôi con chung, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Về án phí chị H phải nộp 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của BLTTDS cho bị đơn anh Ninh Thế Đ. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Ninh Thế Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Ninh Thế Đ kết hôn với nhau tự nguyện hợp pháp ngày 21-9-2011 tại UBND xã K, huyện K; Sau khi kết hôn chị H và anh Đ sống chung với nhau một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng về lối sống, tính cách đôi bên khác biệt nhau; mâu thuẫn không giải quyết được và thời gian không chung sống cùng nhau quá lâu nên tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai bên đều đồng thuận ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ tại UBND xã T là nơi anh Đ thường xuyên cư trú và xác nhận của chính quyền địa phương xã Q, Thành phố T nơi chị H sinh sống thì chính quyền địa phương cả hai nơi xác nhận từ đầu năm 2012 do mâu thuẫn vợ chồng cả hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung căn cứ quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị H ly hôn anh Đ là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị H chỉ có 01 người con chung là Ninh Vĩnh P, sinh ngày 8-11-2011 hiện đang được chị H nuôi dưỡng khi ly hôn cả hai bên đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Vấn đề này HĐXX thấy rằng: Con chung thực tế chị H đã trực tiếp nuôi dưỡng từ bé; chị H có thu nhập ổn định có mức lương 5.500.0000^{đ}/ tháng, còn anh Đ lao động tự do thường xuyên đi làm ăn xa thu nhập không ổn định, không có điều kiện nuôi dưỡng con chung; hiện nay chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng hơn anh Đ về mọi mặt; để đảm bảo con chung của anh chị phát triển bình thường, thì việc giao con chung của vợ chồng cho chị H nuôi là phù hợp; vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của anh Đ không được HĐXX chấp nhận; căn cứ khoản 2, Điều 81 luật HNGĐ cần phải giao cháu Ninh Vĩnh P, sinh ngày 8-11-2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù đã được giải thích quyền nghĩa vụ theo Điều 81, 82 luật HNGĐ thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; nhưng chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và xác định chị đủ điều kiện nuôi con chung đến khi thành niên mà không cần sự đóng góp của anh Đ nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn anh Đ, chị H không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 228, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H với anh Ninh Thế Đ.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là Ninh Vĩnh P, sinh ngày 08-11-2011 đến khi thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Chị Trần Thị H phải nộp 300.000[đ] án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2719 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.